

PHÁT DIỆM: CHỦ NGHĨA DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ BẢN SẮC TRONG CHIẾN TRANH PHÁP – VIỆT MINH

Nguồn: Ronald H. Spector (2013). "Phat Diem: Nationalism, Religion, and Identity in the Franco-Viet Minh War", *Journal of Cold War Studies*, Vol. 15, No. 3, pp. 34–46.

Biên dịch: Phạm Trang Nhung | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Trong cuốn sách *Người Mỹ trầm lặng* của Graham Greene, có lẽ là cuốn tiểu thuyết tiếng Anh về Việt Nam được đọc nhiều nhất, nhà báo Anh Thomas Fowler đến một chiến trường giữa Pháp và Việt Minh ở thị trấn Phát Diệm tại rìa phía nam Đồng bằng châu thổ sông Hồng cách Hà Nội 120 dặm về phía đông nam. Ông miêu tả khu vực như sau:

Tôi đã biết rõ về Phát Diệm trong những ngày trước cuộc tấn công – con đường hẹp dài có những quán hàng bằng gỗ, cứ khoảng 100 thước lại có một kênh đào, một nhà thờ và một cây cầu. Ban đêm thị trấn chỉ được thắp sáng bằng nến hay những ngọn đèn dầu nhỏ ... và dù ngày hay đêm thì đường phố cũng luôn đông đúc và ồn ã. Trong cách thức trung cổ kì lạ của nó, dưới cái bóng và sự bảo vệ của Giám mục vương quyền (*Prince Bishop, tức một chức vị vừa cai quản về mặt chính quyền, vừa là giám mục cai quản giáo xứ - NHĐ*), nó từng là thị trấn giàu sức sống nhất nước và giờ đây là nơi chết chóc nhất. Gạch vụn và thủy tinh vỡ và mùi vữa và sơn cháy và con đường dài trống rỗng dài ngút tầm mắt.¹

Những cuộc giao tranh ở Phát Diệm là một phần của đợt tấn công quy mô lớn do Việt Minh tiến hành vào tháng 5-tháng 6 năm 1951 ở khu vực sông Đáy và nhằm vào các thị trấn Nam Định, Ninh Bình, Phát Diệm và Phủ Lý. Giao tranh kéo dài từ

¹ Graham Greene, *The Quiet American* (New York: Penguin, 2004), pp. 38-39.

cuối tháng 5 đến giữa tháng 6, khi lực lượng Việt Minh, hết vũ khí và bị tách khỏi các tuyến đường tiếp tế, buộc phải rút lui. Tuy nhiên, bằng cách cầm chân lực lượng phòng thủ người Pháp và quân tiếp viện của họ ở bốn thị trấn trọng tâm này, các đơn vị tấn công của Việt Minh đã tạo điều kiện cho các đơn vị Việt Minh khác xâm nhập vào những phần khác của vùng đồng bằng, chiếm giữ các vụ thu hoạch lúa, và tuyển thêm quân.²

Tổn thất ở cả hai bên đều lớn, mặc dù không biết được con số cụ thể. Người Pháp tuyên bố rằng Việt Minh tổn thất tổng cộng khoảng 9.000 người. Số thương vong của phía Pháp bao gồm cả con trai Tướng Delattre de Tassigny, Tổng tư lệnh kiêm Toàn quyền Đông Dương. Ngày nay Quốc lộ 1 chạy qua đồng bằng sông Đáy vẫn còn nhiều nghĩa trang quân sự.

Bài viết này gợi ý rằng cả các mối liên hệ về văn chương (*như trong tiểu thuyết Người Mỹ trầm lặng – NHD*) của Phát Diệm lẫn ý nghĩa quân sự của nó đều không phải là nguyên nhân làm cho thị trấn này đáng chú ý. Thay vào đó, Phát Diệm thể hiện rõ nét một cách khác thường bản chất thực sự của Chiến tranh Lạnh ở châu Á trong một thập niên từ khi người Nhật đầu hàng năm 1945 tới Hội nghị Geneva năm 1954. Với nhiều người, cụm từ “Chiến tranh Lạnh” nghĩa là cuộc đối đầu mở rộng giữa Liên Xô và Mỹ ở châu Âu từ năm 1947 đến năm 1989. Viết về thời kì này, nhà sử học John Lewis Gaddis đã sử dụng cụm từ “nền hòa bình dài lâu” để mô tả thời kì thù địch liên tiếp và đôi khi khủng hoảng nhưng không có xung đột quân sự thực thụ, một cụm từ rất nhanh được các tác giả khác chú ý và sử dụng.³

Vào khoảng cùng lúc cụm từ “nền hòa bình dài lâu” của Gaddis nhận được sự tán đồng của giới học giả, Thiếu tá I. S. Gibb, một binh sĩ Anh, đang hoàn thành cuốn hồi kí về giai đoạn thực hiện nghĩa vụ quân sự ở nhiều khu vực tại châu Á. Hồi tưởng về “40 năm kể từ khi tôi lần đầu tiên đặt chân đến Bombay năm 1945”, Gibb xúc động nhấn mạnh, “từ đó đến nay xảy ra bao cuộc giao tranh, bao cuộc nổi loạn, bao cuộc chiến đưa Pakistan chống lại Ấn Độ, Ấn Độ chống lại Trung Quốc, Bắc Triều Tiên chống lại Nam Triều Tiên, rồi Thời kì khẩn cấp ở Malaya, Đối đầu ở Borneo, Cách mạng ở Trung Quốc, Bắc Việt Nam chống lại Nam Việt Nam.”⁴ Trong 10 năm sau khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, ước tính khoảng 2.500.000 người đã thiệt mạng trong cuộc xung đột quân sự ở Trung Quốc, khoảng

² Yves Gras, *Historie de la Guerre d'Indochine* (Paris: Plon, 1979), pp. 226-228; và Edgar O'balance, *The Indo-China War, 1945-1954* (London: Faber and Faber, 1964), pp. 136-139.

³ John Lewis Gaddis, *The Long Peace: Inquiries into the History of the Cold War* (New York: Oxford University Press, 1987).

⁴ Major I. S. Gibb, “A Walk in the Forrests,” unpub. Ms., p. 129, trong Imperial War Museum.

2.000.000 người ở Triều Tiên, và khoảng 400.000 người ở Đông Dương. Hàng chục nghìn người khác đã chết trong các cuộc chiến ở Malaysia, Indonesia, và Philippines cùng lúc đó.

Ở châu Á, khi đó, Chiến tranh Lạnh không thực sự là một thời kì "hòa bình dài lâu". Nó cũng không nhất thiết là về Chủ nghĩa Cộng sản, vũ khí hạt nhân, chủ nghĩa tư bản, ngăn chặn (cộng sản), hay dân chủ. Nói rằng nó là chiến tranh về "phi thực dân hóa" có lẽ có vẻ chính xác hơn, nhưng những cuộc xung đột "hậu thực dân" này không chỉ là cuộc đấu tranh giành lấy quyền tự quyết và độc lập. Như Frederick Cooper đã nhận định, các nhà sử học về thời kì phi thực dân hóa thường không thể nhận ra "rằng các nhóm khác nhau trong một dân tộc bị thực dân hóa có thể đưa lịch sử và lợi ích riêng của họ vào một dàn xếp phức tạp với một cường quốc thực dân."⁵ Ở nhiều nước châu Á, cuộc chiếm đóng của người Nhật và sự kết thúc hay suy yếu sau đó của chế độ thực dân đã làm bung ra những lực lượng chính trị và ý thức hệ mới, đồng thời thúc đẩy sự tái sinh những mối bất hòa và những mục tiêu cũ. Các chính quyền ở mọi cấp độ trở nên yếu kém hơn, và các đối thủ mới xuất hiện tranh giành quyền lực. Các biên giới và các mối ràng buộc cũ của cộng đồng bắt đầu biến mất. Sự khác biệt về vùng miền, sắc tộc và tôn giáo càng sâu sắc hơn.

Kết quả là các cuộc chiến tranh hậu thực dân ở châu Á, mặc dù thường được người Mỹ xem như những cuộc đấu tranh giữa các lực lượng cộng sản và phi cộng sản hay giữa các phong trào thực dân và độc lập, thường có nhiều khía cạnh của nội chiến, cướp bóc, và xung đột tôn giáo, sắc tộc, hay vùng miền. Điều này thể hiện rõ ràng nhất là ở Trung Quốc và Triều Tiên, nhưng cũng khá rõ ở Indonesia, nơi người Java, Sumatra, Ambon, người Hoa, và người lai Âu Á (*In-đô và Hà Lan - NHD*) chiến đấu để ủng hộ lẫn chống đối nền Cộng hòa, và ở Malaysia, nơi mà "Tình trạng khẩn cấp" đã đưa ra những vấn đề về tương lai của ba nhóm sắc tộc chính cũng như cuộc chiến chống lại sự nổi dậy của lực lượng cộng sản.⁶ Như nhà nhân học Heonik Kwan đã nhận định, "Ở những khu vực mà Chiến tranh Lạnh được tiến hành dưới hình thức nội chiến hay các dạng chia rẽ triệt để và mạnh mẽ giữa các lực lượng xã hội khác ... xung đột hai cực không chỉ diễn ra theo ý định của các

⁵ Frederick Cooper, "The Dialects of Decolonization: Nationalism and Labor Movements in Post-war French Africa," trong Frederick Cooper và Ann Laura Stoler, eds., *Tensions of Empire: Colonial Cultures in a Bourgeois World* (Berkeley: University of California Press, 1977). p. 436.

⁶ Để biết ba tác phẩm gần đây cùng có chung quan điểm này, xem Stein Tonnesson, "National Division in Indochina's Decolonization," trong Prasenjit Duara, ed., *Decolonization: Perspectives from Now and Then* (New York: Routledge, 2004), pp. 253-277; Shawn McHale, "Understanding the Fanatic Mind: The Viet Minh and Race Hatred in the First Indochina War," *Journal of Vietnam Studies*, Vol. 4, No. 3 (Fall 2009), pp. 98-138; và Heonik Kwan, *The Other Cold War* (New York: Columbia University Press, 2010).

chủ thể nhà nước siêu cường mà còn dựa trên cơ sở của các điều kiện và dự tính về cấu trúc và quy phạm cụ thể đang tồn tại ở địa phương.”⁷

Phát Diệm nhìn theo nhiều cách đều là phiên bản thu nhỏ của những tư tưởng chủ nghĩa vùng miền, chủ nghĩa dân tộc và tôn giáo đối lập đó. Năm 1945 nó là một khu vực Công giáo đậm nét trong một nước Việt Nam hầu như phi Thiên Chúa giáo. Giám mục của khu vực, Tổng Giám mục Thaddeus Lê Hữu Từ, có vai trò không chỉ là lãnh đạo tinh thần mà còn là người cai trị thế tục gần như tuyệt đối.⁸ Giáo phận Phát Diệm bao gồm phần lớn tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa. Người Công giáo chiếm khoảng 25% toàn bộ dân số, nhưng nhiều làng và huyện lại có tới gần 100% người Công giáo.

Một nhà báo người Pháp đã mô tả Phát Diệm và giáo phận lân cận Bùi Chu như sau

Một lãnh địa phong kiến, đất phong của giáo hội nhân danh Chúa. Khu vực này mang đậm cảnh quan nhà dòng. Mỗi khu vực đều có một nhà thờ lớn cao hơn và vượt trội hơn mọi thứ khác. Mỗi khu vực có nhà thờ ở giữa là một giáo xứ; thánh chức tôn giáo là lãnh chúa và giáo dân là nông nô. Vì lợi ích về thể xác và tâm hồn, người nông dân bị thống trị bởi một nhóm nhỏ gồm các thầy tu châu Á với gương mặt béo ú và áo chùng sáng bóng; và đó là chưa tính đến những nữ tu người An Nam.⁹

Nhiều khu vực trong lãnh địa của Từ chỉ có thể tiếp cận được bằng đường thủy, và giám mục đi quanh khu vực trên một chiếc thuyền “có lá cờ trắng vàng tiêu chuẩn của Giáo hoàng và thủy thủ đoàn gồm những chàng trai trẻ tuổi mang trên vai biểu tượng riêng của Lê Hữu Từ, một con rồng Trung Hoa quấn quanh một cây kèn trumpet.”¹⁰

Lê Hữu Từ là người Việt Nam thứ 4 được thụ phong Giám mục, sản phẩm của một nỗ lực do Giáo hoàng Benedict XV và Pius XI vào những năm 1920 để thành lập một “giới giáo phẩm bản địa”, thậm chí ở các cấp bậc cao nhất, tại những khu vực ngoài châu Âu. Việc thụ phong mục sư cho bốn người đó được nhiều giáo dân người Việt ủng hộ nhiệt tình. Giáo dân ở Việt Nam thường xuyên phải chịu đựng sự kỳ thị vì bị gắn với một tôn giáo do người Pháp áp đặt. Kết quả là, sự xuất hiện của thứ bậc giáo chức nhà thờ Việt Nam có thể được xem là một bước quan

⁷ Kwan, *The Other Cold War*, p.18.

⁸ Peter Hansen nhận định, “lãnh đạo tôn giáo ở nhiều giáo xứ Công giáo miền Bắc đôi khi chấp nhận những khía cạnh của chính trị thần quyền toàn diện.” Xem Peter Hansen, “Bac Di Cu: Catholic Refugees from the North of Vietnam and Their Role in the Southern Republic, 1954-1959,” *Journal of Vietnam Studies*, Vol. 4, No. 3 (Fall 2009), p. 178.

⁹ Lucien Bodard, *The Quicksand War* (Boston: Little Brown, 1967), p. 211.

¹⁰ Eric Gibbs, “Battle of Indo-China: Arms and the Bishop,” *Time*, 8/01/1951.

trọng nhằm thành lập một giáo hội quốc gia độc lập không có bất cứ liên hệ nào với chủ nghĩa thực dân.¹¹

Trong những năm 1920 và 1930, nhiều giám mục “bản xứ” khác đã được thụ phong ở Trung Quốc và các khu vực khác trong thế giới thực dân. Tuy nhiên, Giám mục Từ và hàng xóm là Đức cha Phạm Ngọc Chi, giám mục (giám quản tông tòa) Bùi Chu, là những mục sư duy nhất bên ngoài Vatican có quân đội riêng. Một phóng viên báo Time đã viết rằng quân đội của ông Từ gồm 1.700 người, một số có trại lính trong phần đất của thánh đường. Họ được chỉ huy bởi “thiếu tá” Ngô Cao Tùng, một cựu chiến binh trong quân đội Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch, và được trang bị khoảng một tá xe jeep và xe tải quân sự. Lực lượng của Từ cũng bao gồm khoảng 6.000 dân quân được trang bị thô sơ. Ngay cạnh chỗ ở của các tu sĩ là một “nhà máy nhỏ để chế tạo lựu đạn, đạn súng cối và súng phóng lựu.”¹²

Phóng viên báo Time mô tả mục sư Từ là “một nhân cách thú vị... một người đàn ông duyên dáng và có sức quyến rũ đáng kể.”¹³ Những môn đồ của mục sư mô tả ông là người ủng hộ chủ nghĩa xã hội Công giáo đặc trưng bởi “công bằng, lý tính, nhân văn, và khoan dung.”¹⁴

Nhà báo Pháp Lucien Bodard lại có ít lời khen ngợi hơn, kể lại thời kì ông Từ thuộc về dòng tu Trappist (*dòng tu thành lập năm 1664 tại tu viện Trappe ở Normandy, nổi tiếng vì nguyên tắc khổ hạnh và giữ im lặng – NHD*) ở làng Châu Sơn,

Ông bắt các thầy tu sám hối bằng các hình thức khổ hạnh đến mức họ chết vì chúng và ông ta tra tấn bản thân bằng roi vọt. Tại Phát Diệm Lê Hữu Từ như thể là một quan tòa xử dị giáo bảo vệ niềm tin – một thứ niềm tin không có tình yêu và nhân đạo; không có gì ngoài kỷ luật hà khắc... Ông ta là một nhà tiên tri của dòng kinh Cựu ước. So với ông ta, Đức cha Chi ...có vẻ là một người hiền lành tốt tính. Ông ta thực tế khá độc đoán nhưng theo một cách thức khôn ngoan, kín đáo.¹⁵

Nhưng, cho dù nhiệt huyết tôn giáo của ông Từ và việc ông ta khẳng khái rằng chủ nghĩa cộng sản “đi ngược trực tiếp các giá trị tinh thần của nhà thờ” có lớn tới mức nào đi nữa, ông cũng là một người theo chủ nghĩa dân tộc và phản đối ách cai

¹¹ Charles Keith, “Annam uplifted: The First Vietnamese Catholic Bishops and the Birth of a National Church,” *Journal of Vietnam Studies*, Vol. 3, No. 2 (Summer 2008), pp. 143-145.

¹² Gibbs, “Battle of Indo-China”.

¹³ Như trên

¹⁴ Tam (Vu Van Cuong), *Vietnam’s War, 1940-1975: The Causes of French and American Failures in Vietnam* (Lawrenceville, VA: Brunswick Publishing, 1983), p.112. Ông Cường là thư kí và trợ lý hành chính cho giám mục Từ.

¹⁵ Bodard, *The Quicksand War*, pp. 211-212.

trị của Pháp ở Đông Dương.¹⁶ Một quan sát viên người Pháp đã mô tả ông là “linh hồn chống lại nước Pháp” giữa các lãnh tụ Công giáo người Việt.¹⁷ Với tư cách là Bề trên tiên khởi của dòng tu Trappist trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, ông đã hợp tác với các cán bộ của Việt Minh và thi thoảng che giấu họ trong tu viện để tránh bị người Pháp và người Nhật lùng bắt. Như lời Charles Keith, ông Từ là “đại diện của một nhà thờ công giáo Việt Nam có tầm nhìn vượt ra ngoài quá khứ truyền giáo và thực dân để hướng về tương lai trong một nước Việt Nam độc lập.”¹⁸

Ngay sau khi người Nhật đầu hàng, ông Từ và ba mục sư Công giáo người Việt khác ở Đông Dương, đáp lại yêu cầu của lãnh đạo Việt Minh, đã gửi một bức thư công khai cho Giáo hoàng, thỉnh cầu Vatican và mọi cộng đồng Công giáo ủng hộ sự độc lập của Việt Nam và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới thành lập.¹⁹ Vào tháng 10 năm 1945, Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, và các lãnh đạo khác của chính phủ Việt Minh đã tới dự lễ thụ phong ông Từ làm mục sư ở Phát Diệm, và ông Từ được chỉ định là “cố vấn tối cao” cho chủ tịch nước. Hồ Chí Minh công khai thể hiện việc công nhận “sự tự trị” của Phát Diệm và quyền có dân quân của mục sư.²⁰

Không bên nào thực sự hài lòng với thỏa thuận này. Việt Minh tiếp tục tổ chức các chi bộ và ủy ban xã trong lãnh địa của giám mục, bao gồm một nhóm mặt trận nhằm thu hút giáo dân tham gia kháng chiến. Mục sư Từ đáp lại bằng việc thành lập Liên Đoàn Công Giáo như là một phương tiện cho việc tổ chức cộng đồng giáo dân.²¹ Cùng lúc đó, giáo phận tiến hành nhiều nỗ lực để trang bị vũ khí hiện đại cho dân quân. Sự việc càng phức tạp hơn khi Phát Diệm, tới năm 1946, đã bắt đầu thu hút số lượng đáng kể người ủng hộ các đảng dân tộc (*hay quốc gia – NHD*) chủ nghĩa chống Việt Minh như Đồng Minh Hội và Việt Nam Quốc Dân Đảng. Ở Hà Nội và những nơi khác những đảng này tham gia vào một cuộc đấu tranh đang trên đà thất bại trong việc tranh giành quyền lực với Việt Minh và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới thành lập của Hồ Chí Minh. Ở nhiều nơi thuộc Phát Diệm họ tổ chức các cuộc tấn công vào các cán bộ của Việt Minh, và ở một ngôi làng hơn 100 người ủng hộ Việt Minh đã bị giết hại.

¹⁶ Tam, *Vietnam's War*, p. 115.

¹⁷ Trích trong Keith “Annam Uplifted,” p.159.

¹⁸ Như trên, p.159.

¹⁹ Như trên, p. 128.

²⁰ General Marcel Carpentier to Ministre de la France Outre-Mer, 29/10/1949, Château de Vincennes, Paris, in Service Historique de l'Armée de Terre (SHAT), 10H170, Dossier 1: Bodard, *The Quicksand War*, p.212; và Tam, *Vietnam's War*, p. 118.

²¹ Keith, “Annam Uplifted,” p. 159; Phạm Văn Bông, “Ngọn lửa kháng chiến” (Bảo vệ đồng bào và chống lại kẻ thù), trong *Tập ký kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược* (Flames of the resistance war: Memoirs of the anti-French resistance war) (Hanoi: Party History Studies, 1978), pp. 113-116; and Tam, *Vietnam's War*, p. 132.

Những cuộc tấn công này trùng với thời điểm người Trung Quốc chấm dứt chiếm đóng miền Bắc Việt Nam vào mùa xuân năm 1946 và thỏa thuận của Hồ Chí Minh cho phép người Pháp quay trở lại miền Bắc trong hòa bình để đổi lấy việc công nhận chính quyền của ông là "một nước tự do thuộc Liên hiệp Pháp" và hứa hẹn về các cuộc đàm phán sau đó. Một khi đã thoát khỏi sự can thiệp của người Trung Quốc và mối đe dọa khẩn cấp từ người Pháp, Việt Minh nhanh chóng trả đũa những người chống lại họ ở Phát Diệm. Ba ngôi làng đã từng là địa điểm của chiến dịch "thanh trừng cộng sản" bị quân Việt Minh tấn công. Vài tuần sau giám mục Từ bị bắn, nhưng không bị thương, bởi một người Việt mà theo các con chiên của giám mục là thành viên lực lượng an ninh của Việt Minh.²² Đến lúc đó, Hồ Chí Minh, đang phải đối mặt với một cuộc chiến sắp tới với người Pháp ở phía Bắc, cố gắng hàn gắn mọi chuyện với giám mục và công khai xác nhận lại sự ủng hộ của ông đối với tự do tôn giáo. Giám mục Từ, cần nhiều thời gian hơn để vũ trang cho dân quân của mình, bề ngoài tỏ ra chấp nhận đề nghị của Hồ Chí Minh.

Sự bùng nổ chiến tranh toàn diện giữa người Pháp và Việt Minh vào tháng 12 năm 1946 đã mang lại thêm nhiều vấn đề cho Phát Diệm. Máy bay Pháp xuất hiện trên bầu trời Phát Diệm và đánh bom chợ trung tâm và nơi ở của giám mục, gây ra nhiều thương vong. Giám mục Từ công khai lên án "hành vi tàn bạo vô nhân tính này" và nhắc lại "chính sách trung lập của ông đối với người Pháp và Việt Minh và kêu gọi họ tôn trọng nền tự trị của Phát Diệm." Nhưng ở Hà Nội những người đại diện của giám mục lại bắt đầu đàm phán bí mật với các nhân viên tình báo người Pháp.²³

Do kết quả của các cuộc thảo luận này, Cha Minh, đại diện bán chính thức của giám mục trước quân đội Pháp, nhận được sự chấp thuận cho phép Phát Diệm mua vũ khí từ miền nam Trung Quốc vốn vẫn nằm trong tay Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch, và vận chuyển những vũ khí này qua Hà Nội. Vào tháng 12 năm 1947, 12 chiếc thuyền đi từ Phát Diệm tới một làng gần biên giới Trung Quốc, và vũ khí được chuyển lên tàu. Trong chuyến trở về các chiếc thuyền này bị tàu đánh cá có vũ trang của Việt Minh chặn lại ngoài khơi tỉnh Thái Bình. Một tàu chiến của Pháp đã can thiệp và tất cả tàu của Việt Minh đã bị phá hủy, để cho đoàn thuyền của ông Từ đến được Phát Diệm.²⁴

Lo ngại về sự gần gũi ngày càng tăng giữa ông Từ và người Pháp, Hồ Chí Minh lại cố gắng hàn gắn quan hệ một lần nữa, và gửi Cha Trúc, một đại biểu Quốc hội, đến nói chuyện với giám mục. Trong khi đó, người Pháp đang bắt đầu ngày

²² Tam, *Vietnam's War*, p. 132.

²³ Như trên, pp.129, 131.

²⁴ Như trên, pp. 132-133

càng có hứng thú với việc coi Phát Diệm là đồng minh khả dĩ trong chiến lược “bình định hóa” khu vực Đồng bằng sông Hồng. Tướng Marcel Carpentier, tổng tư lệnh khu vực Đông Dương, nghi vấn liệu Việt Minh có muốn tiếp tục tôn trọng sự trung lập về chính trị của giáo phận hay không và gợi ý rằng “một hành động cuối cùng của chúng ta sẽ không chỉ nhằm giải phóng chống lại cộng sản mà còn vì lợi ích về mặt vật chất và tinh thần của người dân.”²⁵

Vào tháng 3 năm 1949, sau hơn một năm đàm phán, thỏa thuận một phần và tranh luận về những vấn đề liên quan, chính quyền Pháp đạt được thỏa thuận với Bảo Đại, cựu hoàng Việt Nam, và ký Hiệp định Élysée thành lập Quốc gia Việt Nam “độc lập” nằm trong Liên hiệp Pháp. Thẩm quyền và quyền tự trị thực sự của chính quyền mới của Bảo Đại bị hạn chế đáng kể, và rất ít người dù ở Việt Nam hay trong cộng đồng quốc tế thấy rằng Quốc gia Việt Nam mới là một nước độc lập. Tuy nhiên, người Pháp xem nó là một đối thủ tiềm tàng của Việt Minh ở Việt Nam và là một biểu tượng của chính sách tiến bộ của họ đối với Đông Dương.

Trong những làng do Việt Minh kiểm soát xung quanh Phát Diệm, Đảng Cộng sản tổ chức các cuộc biểu tình chống lại chế độ Bảo Đại. Mai Phương, một thiếu niên đến từ một làng nhỏ gần Phát Diệm đã tham gia vào một cuộc mít-tinh khổng lồ tại một khu chợ ngoài trời lớn. Một cái bục lớn có một bức hình Hồ Chí Minh khổng lồ với lá cờ đỏ làm nền. Phía trên một đồng rơm cao ngất gần bục là một hình nộm bằng rơm lớn. Sau khi hát quốc ca và nghe những bài phát biểu nảy lửa ngắt quãng bởi những câu như:

“Đả đảo kẻ phản bội!

“Đả đảo Bảo Đại!”

“Đả đảo kẻ phản bội!”

Một người đàn ông đi đến phía đồng rơm để dẫm vào gương mặt của hình nộm như thể đó là kẻ thù thực sự. Ông ta đánh nó nhiều lần. Việc này tạo nên những tiếng reo hò từ phía đám đông. Người ta lao đến phía hình nộm ... Những người có thể trèo lên bắt đầu đá và dẫm nó mạnh và nhanh nhất có thể ... Những cú dẫm và đá đi kèm với tiếng kêu “Đả đảo Bảo Đại!”²⁶

Không lâu sau đó, các đại diện của chính quyền Bảo Đại bắt đầu liên hệ với giám mục Từ.²⁷ Ở Hà Nội, đại úy Trần Văn Đôn, một sĩ quan Việt Nam trong lực lượng thực dân Pháp và một vị tướng của Nam Việt Nam trong tương lai thời kỳ

²⁵ Carpentier to Ministre de la Defense National et Ministre de la France Outre-mer, 10 October, 1949, in SHAT, 10H170, Dossier 1.

²⁶ Mai Phuong, *Behind the Bamboo Hedges* (Los Angeles: Nguoi Dau 1996), pp. 68-69.

²⁷ Tam, *Vietnam's War*, pp. 134-135.

Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, đã tiếp cận Cha Minh với lời hứa về hỗ trợ tài chính của người Pháp cho một tờ báo thuộc giáo khu Phát Diệm nếu giám mục Từ đồng ý ủng hộ Bảo Đại.²⁸ Giám mục Từ gần như chẳng có niềm tin vào Bảo Đại nhưng có thể nhìn thấy những dấu hiệu ngày càng nhiều rằng người Pháp đang chuẩn bị một cuộc xâm chiếm quân sự vào vùng Phát Diệm. Ông Từ cũng nghi ngờ rằng Việt Minh sẽ nhanh chóng có hành động chống lại ông.

Cuối cùng, ông ngả về phía người Pháp. Vào tháng 10 năm 1949 một tiểu đoàn lính dù người Việt từ lực lượng thực dân Pháp do đại úy Nguyễn Văn Vỹ chỉ huy đổ bộ vào trung tâm Phát Diệm gần nhà thờ. Khi đó ông Từ đã có đàm phán bí mật với Vỹ, nhưng giám mục vẫn còn lưỡng lự khi từ bỏ “thế trung lập” bằng cách công khai chào đón người Pháp. “Do vậy dân quân Công giáo được điều động chuẩn bị chiến đấu phía sau một con kênh đào,” Bodard mô tả lại rằng “sau khi hô lên “Cẩn thận!”, họ bắn vài phát đạn qua con kênh về phía những kẻ xâm nhập. Khi những kẻ xâm nhập đáp trả bằng cách xả một hai loạt đạn chỉ thiên, Đức Cha Lê Hữu Từ bị buộc phải tuyên bố thừa nhận thất bại và ký một hiệp định ngừng bắn.”²⁹

Chẳng có gì ngạc nhiên là Việt Minh đã không bị ấn tượng bởi việc bảo vệ sự tự chủ của Phát Diệm. Họ tuyên bố rằng “kẻ phản bội Lê Hữu Từ” đã chuẩn bị kĩ càng bãi đáp cho lính dù thực dân và rằng ông ta đã lập kế hoạch để giúp nhiều quân Pháp bí mật đổ bộ xuống các nghĩa địa (do đó báng bổ mồ mã của tổ tiên).³⁰ Trong một chỉ thị của Đảng, lãnh đạo Việt Minh đã cảnh báo rằng mục đích người Pháp “tấn công” vào Phát Diệm là nhằm tạo điều kiện cho nửa triệu người Công giáo trong khu vực tổ chức các lực lượng bù nhìn để chống lại kháng chiến.³¹

Kết luận của Việt Minh tỏ ra khá chính xác. Không cần biết ông ta đã do dự như thế nào khi quyết định trong lúc vẫn liên tục căm ghét người Pháp và khinh thường Bảo Đại, Giám mục “Quốc gia” Từ đã ràng buộc bản thân vào cuộc chiến ở phía người Pháp. “Việc này đã dẫn đến gần một phần năm dân số vùng Đồng bằng Bắc Bộ chống lại tổ chức khổng lồ Việt Minh,” Bodard nhớ lại.

Trong cả vùng đồng bằng, mỗi cộng đồng Thiên chúa giáo thành lập quân đội riêng, dân quân riêng và biến ngôi làng thành một pháo đài với thánh chức tôn giáo là người chỉ huy. Trong suốt thời gian đó tôi thường nghe các sĩ quan Pháp nhận xét rằng “Những giáo dân này là đồ con lợn, thập chí tệ hơn so với

²⁸ Như trên.

²⁹ Bodard, *The Quicksand War*, p. 211.

³⁰ Phạm Văn Bong, “Ngọn lửa kháng chiến,” p. 113.

³¹ Bulletin de Renseignements: Directive du gouvernement Viet Minh au sujet de la Politique Catholique après de l’offensif Phat Diem, n.d. (1949), in SHAT, 10H170, Dossier 3.

những người Việt Nam khác – chẳng có trò bịp nào mà họ không giở ra với chúng tôi. Nhưng khi có khó khăn, khi Việt Minh tấn công, bạn có thể hoàn toàn dựa vào người Công giáo – đó là sự chắc chắn của thánh chiến.”³²

Vào lúc đó, sự cam kết của ông Từ với Bảo Đại và người Pháp có rất ít ảnh hưởng lên tình trạng của vùng Đồng bằng. Trong toàn bộ vùng Công giáo các giám mục vẫn nắm quyền kiểm soát, thu thuế - cũng như tiền hỗ trợ của người Pháp - và trang bị, huấn luyện cho dân quân của họ. Chỉ huy quân đội Pháp được chỉ đạo không can thiệp vào “các vấn đề thuần túy Việt Nam.” Quan chức cấp tỉnh phần lớn được đề cử bởi các giám mục. Cùng lúc, các giám mục vẫn duy trì một vài liên hệ với Việt Minh, và giáo phận trở thành tuyến đường chính để vận chuyển hàng hóa như muối và thuốc men vào vùng Việt Minh kiểm soát ở Thanh Hóa và Vinh.³³

Tuy nhiên kiểu tình hình mà giám mục vừa ý lại chuẩn bị bị bối cảnh chung của cuộc chiến làm thay đổi ghê gớm. Vào mùa thu năm 1949, Quân Giải phóng Nhân dân (Giải phóng Quân) đang chiến thắng của Mao Trạch Đông đã đến biên giới Đông Dương. Đến thời điểm này, Việt Minh gần như chẳng nhận được gì ngoài sự ủng hộ nhiệt tình bằng miệng và một lượng tiền hạn chế từ phía các đồng chí cách mạng ở Trung Quốc. Thậm chí liên lạc bằng điện tín đáng tin cậy cũng tỏ ra không thể duy trì.³⁴ Tuy nhiên, bây giờ Việt Minh không còn đơn độc nữa. Vào tháng 1 năm 1950, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chính thức công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của Hồ Chí Minh. Liên Xô cũng làm tương tự sau hai tuần. Hồ Chí Minh thăm Matxcơva vào đầu tháng Hai và đã thảo luận với Stalin và Mao, người cũng đang ở thăm thủ đô Liên Xô. Mao hứa rằng Trung Quốc sẽ “hỗ trợ quân sự cần thiết cho Việt Nam trong cuộc chiến chống lại Pháp.”³⁵ Nhằm cung cấp đào tạo quân sự, viện trợ, và cố vấn cho lực lượng của Hồ Chí Minh, Trung Quốc đã thiết lập một ủy ban do tướng Chu Đức, tổng tư lệnh của Giải phóng Quân và là một Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, đứng đầu.

Bắt đầu từ tháng 4 năm 1950, yêu cầu đối với các vật dụng và cung ứng quân sự cụ thể bắt đầu đến Bắc Kinh từ trụ sở của Hồ Chí Minh. Từ tháng 4 đến tháng 9 năm 1950 Trung Quốc đã cung cấp cho Việt Minh hơn 14.000 vũ khí loại nhỏ, 1.700 súng bán tự động, 150 súng cối, 300 bộ phóng rocket, và khoảng 60 khẩu pháo nhiều kích cỡ, cùng một lượng lớn đạn dược, đồng phục, thuốc men, thiết bị liên lạc, và các vật tư khác.³⁶ Kết quả là, du kích Việt Minh được trang bị đầy

³² Bodard, *The Quicksand War*, p. 215.

³³ Như trên, p.215; và Gras, *Guerre de l'Indochine*, pp. 135-136.

³⁴ Chen Jian, *Mao's China and the Cold War* (Chapel Hill: University of North Carolina Press, 2001).

³⁵ Như trên, p.122.

³⁶ Nhóm Biên soạn Lịch sử về Nhóm cố vấn quân sự Trung Quốc, *Zhongguo junshi guwentuan yue kangfa douzheng shishi* (Giải thích thực tiễn về sự tham gia của các cố vấn quân sự Trung Quốc

đủ như phần lớn các đơn vị bộ binh người Pháp với súng trường, lựu đạn, súng máy, súng cối hạng nhẹ, và máy phóng rocket.³⁷ Cùng lúc đó, ủy ban của Chu Đức tổ chức và gửi tới Việt Nam một nhóm cố vấn quân sự Trung Quốc để đào tạo và tư vấn cho Việt Minh. Một lượng lớn lính Việt Minh đã vượt biên giới để được đào tạo tại các trường và trại huấn luyện ở phía nam Trung Quốc được Quân đoàn 4 của Giải phóng Quân tổ chức.³⁸ Đến mùa thu năm 1950 quân đội của Việt Minh, lúc này được gọi là Quân đội Nhân dân Việt Nam (QĐND Việt Nam), được tổ chức thành 5 sư đoàn, một trung đoàn công binh, và ba trung đoàn pháo binh.³⁹

Tướng Võ Nguyên Giáp, tư lệnh của QĐND Việt Nam, đã không tốn nhiều thời gian trong việc triển khai quân đội mới chống lại các lực lượng thực dân tự mãn và ít được chuẩn bị của người Pháp. Mục tiêu của tướng Giáp là quấy nhiễu các cứ điểm của người Pháp gần biên giới Trung Quốc, mang lại kinh nghiệm trận mạc quý báu cho các chỉ huy của ông ta và phá hủy hàng rào cuối cùng để nhận được ủng hộ về mặt hậu cần trực tiếp từ Trung Quốc. Vào ngày 18 tháng 9, lực lượng Việt Minh được hỗ trợ bởi pháo và súng cối bất ngờ tấn công cứ điểm của Pháp ở Đông Khê dọc đường số 4, song song với biên giới Trung Quốc ở phía đông bắc Hà Nội. Cứ điểm thất bại trong vòng 48 giờ, và phần lớn lực lượng phòng thủ cứ điểm bị bắt hoặc bị giết. Vài ngày sau một lực lượng Pháp khoảng 4.500 người đã gần như bị tiêu diệt hoàn toàn trong một loạt các cuộc phục kích xung quanh thị trấn Cao Bằng. Từng cứ điểm riêng lẻ của Pháp dọc biên giới lần lượt rơi vào tay Việt Minh hay bị bỏ trống trong sợ hãi. Người Pháp tổn thất 6.000 lính và hơn 10.000 vũ khí nhỏ, súng cối, và súng máy.⁴⁰ Biên giới giữa Trung Quốc và Đông Dương, như công sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn nói, “đã không còn tồn tại.”⁴¹

Cuối năm 1950 Việt Minh và các cố vấn Trung Quốc đã sẵn sàng bắt đầu một đợt tấn công mới để chiếm toàn bộ Đồng bằng sông Hồng. Tuy nhiên, trong khi đó, người Pháp đã chỉ định một tổng tư lệnh mới cho khu vực Đông Dương, Tướng Jean de Lattre de Tassigny, người cũng đồng thời giữ vị trí toàn quyền, do đó kết hợp thẩm quyền chính trị với quân sự. De Lattre, người có lẽ là chỉ huy chiến tranh giỏi nhất trong quân đội Pháp, đến Hà Nội vào tháng 12 năm 1950, ngay lập

trong việc hỗ trợ Việt Nam kháng Pháp) (Beijing: People's Liberation Army Press, 1996), ch. 2, p. 44; và Memorandum, “Army Supply to Viet Minh,” Incl. to JCS 1992/22, 11 September 1950, trong National Archives and Records Administration (NARA), college Park, MD, Record Group (RG) 319, G-3 091 File. Số liệu của Mỹ và Trung Quốc khác nhau nhưng không nhiều.

³⁷ Bodard, *The Quicksand War*, p. 245.

³⁸ Chen, *Mao's China*, pp. 123-124.

³⁹ Nhóm Biên soạn Lịch sử, *Zhoungguo junshi*, p. 33.

⁴⁰ O'Balance, *The Indochina War*, p. 118.

⁴¹ Minister at Saigon (Heath) to State, 17 October 1950, in NARA, RG 59, Subject Numeric Files, POL. 27-14, Box 163.

tức hủy bỏ mọi kế hoạch nhằm di tản các gia đình người Pháp khỏi thủ đô, và chuyển vợ ông vào phủ toàn quyền. Ông thăm tất cả các khu vực tác chiến, sa thải không thương tiếc những người không có khả năng hoặc mang tư tưởng chủ bại, đồng thời tuyên bố rằng sẽ không rút lui thêm nữa.

Giống Việt Minh, lực lượng thực dân Pháp đã có được một người bạn lớn mới vào mùa xuân năm 1950 khi nước Mỹ công nhận Bảo Đại và các "Nhà nước Liên hiệp Đông Dương."⁴² Thậm chí trước khi De Lattre đến, Washington đã bắt đầu cung cấp viện trợ quân sự quy mô lớn cho lực lượng quân Pháp ở Việt Nam, bao gồm các vũ khí nhỏ hiện đại hơn, máy bay chiến đấu, máy bay vận chuyển, máy bay ném bom hạng nhẹ, pháo 105 mm, và bom napalm.⁴³ Khi Việt Minh mở một đợt tấn công mới xung quanh thị trấn Vĩnh Yên ở phía nam của sông Hồng cách Hà Nội khoảng 40 dặm về phía tây bắc vào giữa tháng 1 năm 1951, họ đã phải chịu đựng một thất bại cay đắng. Bất chấp những cuộc tấn công quyết liệt, người Pháp có khả năng giữ vững các vị trí chủ chốt được yểm hộ bởi các cuộc không kích hạng nặng sử dụng thuốc nổ mạnh và bom napalm.

Tướng Giáp thử lại lần nữa vào hai tháng sau với một cuộc tấn công nhằm vào thị trấn ven biển Mạo Khê, khoảng 30 km về phía đông bắc Hải Phòng. Mặc dù bị áp đảo về số lượng gần 3 chọi một, người Pháp vẫn đẩy lùi được cuộc tấn công. Tổn thất của cả hai bên đều rất nặng nề. Cũng như ở Vĩnh Yên, sự vượt trội của người Pháp về không quân và pháo binh có vai trò quyết định.

Nỗ lực lần thứ ba của Việt Minh, vào tháng 5 và tháng 6, là chiến dịch sông Đáy. Bất chấp những cảnh báo từ hệ thống tình báo Pháp, cuộc tấn công của Việt Minh, bắt đầu ngày 28 tháng 5 năm 1951, vẫn là một sự ngạc nhiên lớn với các chỉ huy địa phương. (Sau đó họ phàn nàn rằng giám mục Từ đã làm họ lầm tưởng bằng các báo cáo rằng mọi chuyện đều ổn.) Tại thị xã Ninh Bình một tiểu đoàn lính Pháp đã bị đánh bại, và nhiều cứ điểm do dân quân Công giáo gác rơi vào tay Sư đoàn 308 của QĐND Việt Nam. Các đơn vị Việt Minh khác di chuyển lên Phủ Lý, cắt đứt tuyến đường chính và bao vây thị trấn.

Phát Diệm bị tấn công bởi Sư đoàn 320 của QĐND Việt Nam, vốn vượt qua sông Đáy thành công mà không bị người Pháp phát hiện. Các đơn vị dân quân Công giáo chống cự quyết liệt theo một số tài liệu, theo một số nguồn khác lại không hiệu quả, nhưng lực lượng Việt Minh được trang bị tốt chỉ có thể bị ngăn

⁴² Lý giải gần đây nhất và toàn diện nhất về những quyết định này là của Mark Atwood Lawrence, *Assuming the Burden: Europe and the American Commitment to War in Vietnam* (Berkeley: University of California Press, 2005).

⁴³ Về chi tiết của chương trình hỗ trợ về quân sự, xem Ronald Spector, *Advice and Support: The Early Years of the US Army in Vietnam* (New York: Free Press 1985), chs. 6-7.

chặn bởi các lực lượng thực dân Pháp. Tổng hành dinh của Pháp ở Hà Nội nhanh chóng điều động quân tiếp viện. Mọi tuyến liên lạc đường bộ đều đã bị cắt, nhưng người Pháp sử dụng hai tiểu đoàn lính dù yểm hộ bởi một phi đội máy bay chiến đấu ném bom. Các đơn vị tấn công đường sông của Pháp, gọi là *Dinassauts* và bao gồm các biệt đội bộ binh, sử dụng các tàu đổ bộ thời Chiến tranh thế giới thứ hai để mang thêm quân đến và cắt đứt đường tiếp vận qua sông Đáy của Việt Minh.⁴⁴

Mặc dù người Pháp ca ngợi kết quả là một chiến thắng, ảnh hưởng của trận sông Đáy đối với người dân Phát Diệm là rất khủng khiếp. Bên cạnh sự tàn phá nhà cửa và chết chóc do chiến sự, nhiều người dân đã trở thành đối tượng bị ngược đãi nghiêm trọng trong tay quân Pháp vốn tới để “cứu giúp” giáo phận. Công sứ Anh ở Sài Gòn báo cáo lại nhiều hành vi “tàn nhẫn, cướp bóc, cưỡng hiếp, và trụy lạc” do lực lượng thực dân Pháp thực hiện. Thậm chí còn có những lời phàn nàn rằng các binh sĩ đã lấy trộm chén thánh từ một số nhà thờ. Ít nhất một sĩ quan Pháp đã bị bắt vì hành vi sai trái.

Tùy viên quân sự Anh nhận định rằng “đây là những binh sĩ vốn đã mệt mỏi vì liên tiếp trở thành mục tiêu phục kích và, hơn thế nữa thường là người Maroc hay Senegal ..., những người vốn đầy tai tiếng vì những thứ như thế, nên kiểu hành xử như thế chẳng có gì là lạ. Nhưng có nhiều bằng chứng chỉ ra rằng sứ mệnh của Liên hiệp Pháp đã chịu những tổn hại nghiêm trọng.”⁴⁵ Một nhà ngoại giao Anh khác xác nhận rằng “Giờ đây có nhiều cảm thông cho phía Việt Minh hơn bao giờ hết kể từ khi giám mục ngã về phía Bảo Đại.”⁴⁶

Với người Pháp, “hai ngày giao tranh đã đủ để làm tiêu tan ảo tưởng về giới lãnh đạo phong kiến và tính trung lập của giám mục.” Các tiền đồn Công giáo đã vỡ vụn trước khi Việt Minh tấn công, và chỉ có sự can thiệp nhanh chóng của lực lượng thực Pháp mới “ngăn chặn sự sụp đổ của tiền tuyến phía tây của Phát Diệm.”⁴⁷ De Lattre đổ lỗi cho giám mục vì tin tình báo không chính xác đã góp phần tạo nên sự thiếu chuẩn bị của người Pháp, và nghiêm trọng hơn, là cái chết của con trai vị tướng trong cuộc giao tranh ác liệt.⁴⁸

Bộ Tư lệnh Tối cao của Pháp thông báo với giám mục rằng lực lượng thực dân Pháp trong tương lai sẽ đóng trên lãnh thổ của họ và rằng các dân quân kém hiệu quả sẽ bị giải tán. Những người khác sẽ được tổ chức lại và đặt dưới sự chỉ

⁴⁴ Gras, *Guerre de l'Indochine*, pp. 227-229; và O'Balance, *Indochina War*, pp. 136-137.

⁴⁵ Brit. Legation Saigon (M.G.L. Joy) to Foreign Office (J.D. Murray), 12 January 1952, in the National Archives of the United Kingdom, FO371/1010/78.

⁴⁶ Như trên; Report by Cyril Whitworth, 3 January 1952.

⁴⁷ Gras, *Guerre de l'Indochine*, p. 231.

⁴⁸ Như trên; và Bodard, *The Quicksand War*, p. 214.

huy trực tiếp của người Pháp. Quan chức thực dân Pháp cũng sẽ đảm nhiệm một vài chức năng quản lý dân sự của giáo khu.⁴⁹

Với sự thất bại của người Pháp năm 1954, người Công giáo ở Phát Diệm đã theo giám mục di cư về phía nam, nơi mà họ được tái định cư như một cộng đồng nguyên vẹn ở nơi mà rất nhanh sau đó trở thành Việt Nam Cộng hòa. Theo người viết tiểu sử ngưỡng mộ ông, giám mục Từ đã nỗ lực để đứng ngoài vấn đề chính trị. “Tuy nhiên mỗi khi ông nhận thấy bất cứ sai lầm nào của chính quyền Tổng thống Diệm... ông lại vào Phủ Tổng thống và nói lên sự thật để ông có thể giúp Tổng thống Diệm làm đúng vai trò của mình như là người lãnh đạo dân chúng.”⁵⁰ Cũng theo nguồn tư liệu này, mục sư Lê tin rằng ví dụ về chương trình phòng thủ địa phương của Phát Diệm là nguồn cảm hứng cho chương trình ấp chiến lược của Nam Việt Nam. Giám mục rất thất vọng vì vụ lật đổ Diệm năm 1963. Ông thấy có rất ít cơ hội thành công đối với hoạt động chống nổi dậy của Mỹ ở Việt Nam và bắt đầu tính toán đến một cuộc sơ tán lần thứ hai cho người Công giáo Việt Nam, lần này là tới Australia.⁵¹ Ông mất năm 1967.

Kinh nghiệm của Phát Diệm soi sáng bản chất của cuộc “Chiến tranh của Pháp” ở Đông Dương và về chiến tranh chống nổi dậy và nội chiến nói chung. Như Liên-Hằng Nguyễn nhận định, các cuộc chiến tranh Việt Nam, thường được tư duy với các khái niệm trắng-đen – lực lượng thực dân đối đầu với những người nổi dậy, cộng sản đối đầu chống cộng, miền Bắc đối đầu miền Nam – có thể được hiểu rõ hơn theo một góc nhìn đa màu. Trong trường hợp sự can thiệp gần đây của Mỹ vào Afghanistan và Iraq, người ta đã tốn nhiều giấy mực để bàn về sự cần thiết của “các đồng minh đáng tin cậy” để chống nổi dậy thành công. Trường hợp của Phát Diệm chỉ ra rằng việc tìm kiếm các đồng minh đáng tin cậy luôn luôn là một quá trình hai chiều. Quan trọng hơn, nó minh họa cuộc tìm kiếm này mù mờ và phức tạp ra sao và sự trừng phạt đối với những lựa chọn sai lầm và không may mắn có thể lớn đến thế nào.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

⁴⁹ Gras, *Guerre de l'Indochine*, pp. 231 – 132.

⁵⁰ Tam, *Vietnam's War*, p. 282.

⁵¹ Như trên.

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đông đảo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
